

Bản án số: 29/2024/HS-PT

Ngày: 25-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường

Bà Huỳnh Thị Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 01 năm 2024. Do có kháng cáo của các bị cáo: Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Mai Văn C, Đặng Văn Đ, Ngô Minh H và Nguyễn Thanh P đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2023/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Phạm Văn T, sinh ngày 01-01-1988, tại tỉnh Cà Mau. Nơi cư trú: Ấp M, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1947; vợ Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1983 (đã chết), có 03 người con, người con lớn nhất sinh năm 2011, người con nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 24-5-2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Văn T1, sinh ngày 01-01-1982, tại tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1, sinh năm 1937 (đã chết) và bà Cao Thị Đ1, sinh năm 1940 (đã chết); vợ Nguyễn Thị

M, sinh năm 1988, có 02 người con sinh năm 2007 và năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 24-5-2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn T2, sinh ngày 20-8-1986, tại tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Ngọc L2, sinh năm 1964; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 24-5-2023 đến nay, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Mai Văn C, sinh ngày 01-01-1985, tại tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn Đ2, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1956; vợ Đoàn Thị Đ3, sinh năm 1984, có 02 người con, sinh năm 2009 và năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 24-5-2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Đặng Văn Đ, sinh ngày 23-11-1981, tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn B, sinh năm 1962 và bà Lê Thị N, sinh năm 1960; vợ bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1982, có 02 người con, sinh năm 2003 và năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 24-5-2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Văn Đ: Luật sư Phan Văn S – Thành viên Đoàn luật sư tỉnh L (Có mặt).

6. Ngô Minh H, sinh ngày 02-7-1995, tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T4, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị T5, sinh năm 1972; vợ Sơn Thị Ngọc N1, sinh năm 1990; con 01 người, sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 24-5-2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Thanh P, sinh ngày 11-11-1991, tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp C, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An; Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh H2,

sinh năm 1963 và bà Mai Thị L3, sinh năm 1964; chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 01-12-2021, bị Trưởng Công an xã T, huyện B, tỉnh Long An, xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” trái phép, đã chấp hành xong quyết định ngày 20-12-2021.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 24-5-2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh P: Luật sư Nguyễn Hòa B1 – Thành viên Đoàn luật sư tỉnh L (Có mặt).

Ngoài ra vụ án còn có 01 bị cáo khác và 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02-01-2023, tại bãi đất trống thuộc khu vực ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, Phạm Văn T đứng ra tổ chức đá gà ăn thua bằng tiền nhằm để hưởng tiền huê hồng. Thum chuẩn bị băng keo, mượn 01 cái cân loại 05kg của bà Nguyễn Thị T6 để phục vụ cho việc tổ chức đá gà. Ngày 02-01-2023, T tổ chức các trận gà như sau:

Trận gà thứ nhất: Giữa con gà màu lông vàng (gà khét), cân nặng 1,1kg của người thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch đi cùng với Phạm Văn T7 và Võ Minh T8 đá với con gà màu lông trắng, cân nặng 1,1kg của người thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch. Tiền cá cược, mỗi bên 1.000.000 đồng, tổng số tiền cá cược hai bên là 2.000.000 đồng. Trong đó, tiền cược bên gà khét T7 và T8 mỗi người 200.000 đồng góp với chủ gà khét 600.000 đồng, tổng số tiền sổ bên gà khét là 1.000.000 đồng; bên gà trắng của người thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch là 1.000.000 đồng. Thum làm trọng tài, quy định hưởng 100.000 đồng tiền huê hồng từ bên thắng, hai bên đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong, T7 băng cựa, thả gà cho bên gà khét, còn bên gà trắng thì chủ gà tự băng cựa và thả gà. Sau khi băng cựa xong, T đếm cho hai bên thả gà ra đá. Kết quả, gà màu lông vàng (gà khét) thắng, nên người nam thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch thắng 600.000 đồng, T8 thắng 200.000 đồng, T7 thắng 200.000 đồng, T hưởng tiền huê hồng 100.000 đồng.

Trận gà thứ hai: Giữa con gà màu lông vàng (gà khét), cân nặng 2,54kg của Đặng Văn Đ đá với con gà lông màu trắng, cân nặng 2,44kg của Phạm Văn T1. Số tiền cá cược mỗi bên là 3.000.000 đồng, tỷ lệ cá cược 10 ăn 8, tổng số tiền cá cược là 6.000.000 đồng. Đưa ôm gà cho B băng cựa (cựa sắt do Đ mang đến), Đưa trực tiếp thả gà. Bên gà còn lại, do T1 ôm gà, C băng cựa và trực tiếp thả gà cho T1 (cựa sắt do T1 mượn của người thanh niên không rõ nhân thân, lai lịch). Những người tham gia cá cược bên gà của Đưa gồm: Đưa 250.000 đồng, Đặng

Văn B 250.000 đồng, Ngô Minh H 250.000 đồng, Nguyễn Thanh P 250.000 đồng và một thanh niên không rõ, nhân thân lai lịch 2.000.000 đồng, tổng số tiền bên gà của Đưa là 3.000.000 đồng; những người tham gia cá cược bên gà của T1 gồm: Trắng 800.000 đồng, Mai Văn C 800.000 đồng và Nguyễn Văn T2 800.000 đồng, tổng số tiền bên gà của T1 là 2.400.000 đồng. Thum làm trọng tài, quy định tiền huê hồng là 200.000 đồng. Khi hai con gà đang đá với nhau, chưa có kết quả thắng thua thì bị lực lượng Công an xã Đ, huyện Đ phát hiện.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 02 con gà trống; 11 cuộn băng keo (06 cuộn băng keo chưa sử dụng; 05 cuộn băng keo đã qua sử dụng); 02 cặp cựa sắt; 01 cân đồng hồ, màu xanh, loại 05kg.

- Tiền mặt 801.000 đồng tạm giữ của Phạm Văn T;

- Tiền mặt 8.506.000 đồng tạm giữ của Mai Văn C;

- Tiền mặt 1.000.000 đồng tạm giữ của Đặng Văn Đ;

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số sim 05838100735, số imei 353482158548589, số imei 2: 3534882159548588 tạm giữ của Phạm Văn T1;

- Tiền mặt 1.640.000 đồng, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy A05S, màu đen, số sim 0583058483, số imei 352049/11067641/9 tạm giữ của Nguyễn Văn T2;

- Tiền mặt 2.350.000 đồng, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Redmi Note 10S, màu trắng, số sim 0337795952, số imei 1: 860364056168882, số imei 2: 860364056168890 tạm giữ của Ngô Minh H;

- Tiền mặt 100.000 đồng, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Vivo Y72 5G, màu tím, số sim 0325646852, số imei 1: 863206057295056, số imei 2: 863206057295049 tạm giữ của Nguyễn Thanh P;

- Tiền mặt 17.520.000 đồng, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 3110C, màu trắng, số sim 0397390898, số imei 1: 3541941078289, số imei 2: 354194107828926, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 13, màu xanh, số sim: Không có, số imei 1: 351016093815372, số imei 2: 353624094889391 tạm giữ của Phạm Văn T7;

- Tiền mặt 30.000.000 đồng; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia 105, màu đen, số sim 0879675392, số imei 1: 353624094889383, số imei 2: 353624094889391 tạm giữ của Võ Minh T8;

Tại Bản cáo trạng số 163/CT-VKSĐH ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An, đã truy tố các bị cáo: Phạm Văn T, Đặng Văn Đ, Đặng Văn B, Ngô Minh H, Nguyễn Thanh P, Phạm Văn T1, Mai Văn C, Nguyễn Văn T2 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2023/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, đã xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo: Phạm Văn T, Đặng Văn Đ, Ngô Minh H, Nguyễn Thanh P, Phạm Văn T1, Mai Văn C và Nguyễn Văn T2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; các điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh P 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

+ Xử phạt các bị cáo: Đặng Văn Đ, Ngô Minh H, Phạm Văn T1, Mai Văn C và Nguyễn Văn T2, mỗi bị cáo 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với bị cáo còn lại, về xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Các ngày 28/11/2023, 29/11/2023 và 30/11/2023 các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Mai Văn C, Đặng Văn Đ, Ngô Minh H và Nguyễn Thanh P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Các bị cáo T, T1, T2, C, Đ, H và P kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo T, T1, T2, C, Đ, H và P phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng pháp luật.

Qua xem xét kháng cáo của các bị cáo, xét thấy: Các bị cáo T, T1, T2, C, Đ, H và P kháng cáo đều có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội không lớn; các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Riêng bị cáo Nguyễn Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa và không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng hành vi của bị cáo cũng tương tự như các bị cáo còn lại và cũng đủ điều kiện được hưởng án treo, nên cần xem xét cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa một phần của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo T, T1, T2, C, Đ, H và P theo hướng giữ nguyên mức hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Đặng Văn B không có kháng cáo, không bị kháng nghị. Căn cứ vào Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa về phần án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo B. Bị cáo B là người cao tuổi, nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn Đ và Nguyễn Thanh P thống nhất với quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đ và P. Ngoài ra, các Luật sư còn phân tích thêm về các điều kiện để được hưởng án treo, về hoàn cảnh gia đình khó khăn của các bị cáo có xác nhận của chính quyền nơi cư trú. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đ và P.

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều trình bày có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn được Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục kháng cáo: Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Mai Văn C, Đặng Văn Đ, Ngô Minh H và Nguyễn Thanh P kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị cáo Nguyễn Văn T2 vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Về nội dung vụ việc và yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, T1, C, Đ, H và P khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như sau: Ngày 02-01-2023, bị cáo T đứng ra tổ chức 02 trận gà, nhằm để hưởng tiền huê hồng như sau:

Trận gà thứ 01: Số tiền cá cược là 2.000.000 đồng, bị cáo T hưởng lợi 100.000 đồng.

Trận gà thứ 02: Số tiền cá cược là 6.000.000 đồng, tỉ lệ 10 ăn 8 gồm:

+ Số người tham gia cá cược bên gà của bị cáo Đặng Văn Đ với số tiền gồm: Đưa 250.000 đồng, Đặng Văn B 250.000 đồng, Ngô Minh H 250.000 đồng, Nguyễn Thanh P 250.000 đồng và một thanh niên (không rõ, nhân thân lai lịch) 2.000.000 đồng, tổng số tiền là 3.000.000 đồng.

+ Số người tham gia cá cược bên gà của bị cáo Phạm Văn T1 với số tiền gồm: Trắng 800.000 đồng, Mai Văn C 800.000 đồng và Nguyễn Văn T2 800.000 đồng, tổng số tiền là 2.400.000 đồng. Thum làm trọng tài quy định tiền huê hồng là 200.000 đồng, khi hai con gà đang đá với nhau, chưa có kết quả thắng thua thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Xét lời khai nhận của các bị cáo T, T1, C, Đ, H và P phù với các tài liệu chứng cứ mà nội dung án sơ thẩm đã nêu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố: Các bị cáo T, T1, T2, C, Đ, H và P phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, là xét xử đúng người, đúng tội.

[2.2] Về yêu cầu kháng cáo:

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo T, Đ, C, P, H và T1 đều có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới như: Lao động chính trong gia đình và có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền nơi cư trú. Riêng hai bị cáo T và T1 còn bổ sung thêm tình tiết có cha ruột là người có công với đất nước; bị cáo T vợ đã chết và đang nuôi 03 người con còn nhỏ; bị cáo C đang nuôi con nhỏ dưới 03 tháng tuổi.

Xét thấy, trong vụ án này mỗi bị cáo sử dụng số tiền không lớn để tham gia đánh bạc; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và đang có việc làm ổn định; mỗi bị cáo đều có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo. Việc cho các bị cáo được hưởng án treo cũng không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Riêng đối với bị cáo T2, kháng cáo không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nhưng xét hành vi của bị cáo cũng tương tự như các bị cáo còn lại, có đủ điều kiện được hưởng án treo, nên cần xem xét cho bị cáo. Do đó, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, T1, T2, C, Đ, H và P, sửa một phần của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo như đại diện của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị, cùng với quan điểm của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo P và Đ.

[3] Từ những căn cứ và nhận định trên. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo T, T1, T2, C, Đ, H và P. Sửa một phần về hình phạt đối với các bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2023/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

[4] Về án phí: Căn cứ các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Các bị cáo T, T1, T2, C, Đ, H và P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, do kháng cáo được chấp nhận.

- Đối với bị cáo Đặng Văn B không có kháng cáo và không bị kháng nghị, xét thấy: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án, bị cáo là người trên 60 tuổi, thuộc trường hợp người cao tuổi và được miễn án phí. Cấp sơ thẩm buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm là không đúng. Căn cứ Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự, quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm. Cấp phúc thẩm cần sửa án sơ thẩm về phần án phí đối với bị cáo B theo hướng bị cáo được miễn án phí, như đại diện của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Mai Văn C, Đặng Văn Đ, Ngô Minh H và Nguyễn Thanh P.

Sửa một phần về hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Mai Văn C, Đặng Văn Đ, Ngô Minh H và Nguyễn Thanh P tại Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2023/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Sửa một phần về án phí sơ thẩm của bị cáo Đặng Văn B tại Bản án hình sự sơ thẩm số 168/2023/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Mai Văn C, Đặng Văn Đ, Ngô Minh H và Nguyễn Thanh P phạm tội “Đánh bạc”.

2.1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T** 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày 25-3-2024.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Văn T có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh P** 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày 25-3-2024.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh P cho UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Long An để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Thanh P có

trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.3. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Đặng Văn Đ** 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày 25-3-2024.

Giao bị cáo Đặng Văn Đ cho UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Đặng Văn Đ có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.4. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Ngô Minh H** 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày 25-3-2024.

Giao bị cáo Ngô Minh H cho UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Ngô Minh H có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.5. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T1** 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày 25-3-2024.

Giao bị cáo Phạm Văn T1 cho UBND xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Văn T1 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.6. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Mai Văn C** 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày 25-3-2024.

Giao bị cáo Mai Văn C cho UBND xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Mai Văn C có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.7. Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i và s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T2** 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày 25-3-2024.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 cho UBND xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Văn T2 có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Mai Văn C, Đặng Văn Đ, Ngô Minh H và Nguyễn Thanh P cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới, thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Trong trường hợp các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Mai Văn C, Đặng Văn Đ, Ngô Minh H và Nguyễn Thanh P vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự năm 2019.

3. Về án phí:

Áp dụng: Các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3.1. Bị cáo Đặng Văn B được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

3.2. Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn T1, Nguyễn Văn T2, Mai Văn C, Đặng Văn Đ, Ngô Minh H và Nguyễn Thanh P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND huyện Đức Hòa (02);
- VKSND huyện Đức Hòa (01);
- CQĐT Công an huyện Đức Hòa (01);
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa (01);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thiện Tâm